

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 19-4-2018
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng.

2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị Tố L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Tổ X, ấp P, xã P, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Bé T, sinh năm: 1993.

Anh Trần Thanh L, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Huỳnh Thị Bé H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Chị L, chị T, anh L và chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vương Thị Tố L trình bày: Vào năm 2013, chị không nhớ chính xác ngày tháng vợ chồng anh L có vay chị số tiền 10.000.000 đồng. Số nợ này không có làm giấy tờ gì, cũng không có ai biết nên chị mới lấy giấy nợ 12.100.000 đồng, là giấy nợ mà chị Huỳnh Thị Bé T ký vay nợ **giùm** cho chị Huỳnh Thị Bé H vào ngày 11-3-2016 dương lịch, hiện đã trả xong nhưng có chữ ký của chị T và số nợ cũng chênh lệch không nhiều nên chị lấy làm cơ sở để đi kiện. Ngoài ra năm 2016 anh L có làm giấy tay vay chị là 10.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất cụ thể trong giấy vay nợ chỉ có hứa miệng bên ngoài mỗi tháng đóng lãi 600.000 đồng nhưng từ khi vay đến nay thì anh L không đóng lãi cũng không trả tiền gốc cho chị. Chị xác định có nhận của chị Huỳnh Thị Bé H là 1.800.000 đồng, đây là tiền hui chị H đóng cho chị do chị chơi hui **giùm** chị H, không phải là tiền lãi đóng cho khoản nợ của vợ chồng anh L.

Tại phiên tòa chị xác định việc vay mượn đã lâu chị không nhớ rõ, nay chị yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh L và chị T trả cho chị số tiền vay là 22.100.000 đồng theo hai giấy nợ mà chị nộp cho Tòa án và trả lãi theo mức 9%/năm tính từ ngày 11-3-2016 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Bé T trình bày:

Chị L cho rằng vợ chồng chị còn thiếu 10.000.000 đồng tiền vay vào năm 2013 là hoàn toàn không có. Về giấy nợ 12.100.000 đồng là giấy nợ mà chị ký vay nợ **giùm** cho chị Huỳnh Thị Bé H vào ngày 11-3-2016 dương lịch, giấy nợ chị L nộp cho Tòa án đúng là chữ viết và do chị ký tên nhưng hiện đã trả xong và trong quá trình giải quyết chị L cũng thừa nhận, nay không còn nợ gì nữa nên việc chị L dùng giấy nợ này làm cơ sở đi kiện vợ chồng chị thì chị không đồng ý.

Chị thừa nhận chồng chị là anh L có trực tiếp vay chị L là 10.000.000 đồng tiền gốc theo giấy nợ ngày 23-11-2016 dương lịch, anh L có ký giấy vay, trong nội dung giấy nợ thì hai bên không thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất cụ thể. Chỉ có thỏa thuận miệng là lãi 900.000 đồng/tháng. Từ khi vay thì vợ chồng chị có đóng lãi cho chị L, cụ thể: anh L có gửi cho chị Bé H là 2 lần, tổng cộng là 1.800.000 đồng để trả lãi cho chị L vào năm 2016; 1 lần chị trực tiếp lên nhà chị L gửi cho chị L là 3.600.000 đồng tiền lãi. Anh L có trực tiếp giao tiền lãi

cho chị L là 1.000.000 đồng, tất cả những lần trả lãi này đều không làm giấy tờ gì cả, không có ai biết.

Tại phiên tòa chị yêu cầu khấu trừ tiền lãi mà vợ chồng chị đã đóng cho chị L là 6.400.000 đồng vào 10.000.000 đồng tiền nợ gốc vay ngày 23-11-2016, còn nợ lại chị L là 3.600.000 đồng và lãi suất theo mức 9%/năm đối với số tiền 3.600.000 đồng kể từ ngày vay là ngày 23-11-2016 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Trần Thanh L trình bày: Anh thống nhất như trình bày của chị Bé T.

Tại phiên tòa anh yêu cầu khấu trừ tiền lãi mà vợ chồng anh đã đóng cho chị L là 6.400.000 đồng vào 10.000.000 đồng tiền nợ gốc vay ngày 23-11-2016, còn nợ lại chị L là 3.600.000 đồng và lãi suất theo mức 9%/năm đối với số tiền 3.600.000 đồng kể từ ngày vay là ngày 23-11-2016 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với 10.000.000 đồng tiền vay vào năm 2013 thì vợ chồng anh không có nợ, nên anh không chấp nhận yêu cầu của chị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bé H trình bày: Trong năm 2016, ngày tháng không nhớ anh L có đưa tiền lãi cho chị là 2 lần, tổng cộng là 1.800.000 đồng để gửi tiền lãi cho chị L đối với số nợ 10.000.000 đồng mà anh L vay ngày 23-11-2016 dương lịch. Chị L cho rằng số tiền 1.800.000 đồng đây là tiền hui chị đóng cho chị L là không đúng. Chị đã trực tiếp giao tiền cho chị L, khi giao không có giấy tờ, cũng không ai biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: **Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 473, 474, 476 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh L, chị T trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng vay năm 2016 và lãi suất theo mức 9%/năm tính từ ngày 23-11-2016 dương lịch cho đến ngày xét xử vụ án, cho khấu trừ số tiền lãi đã góp cho chị L là 600.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 11-3-2016 dương lịch cho đến ngày 22-11-2016 dương lịch. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh L, chị T trả số tiền gốc là 12.100.000 đồng và lãi suất**

tính từ ngày 11-3-2016 dương lịch cho đến ngày xét xử vụ án. Án phí: chị L, anh L, chị T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

[1] Qua lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa chị L với chị T, anh L đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, hình thức vay có lãi và không có thời hạn, các bên tham gia tự nguyện không trái pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, trong quá trình thực hiện vợ chồng chị T, anh L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chị L đã khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu của chị L thì thấy:

Đối với **khoản** nợ 12.100.000 đồng, chị L dùng giấy nợ 12.100.000 đồng mà chị T ký nợ vào ngày 11-3-2016 dương lịch để làm cơ sở khởi kiện. Qua quá trình giải quyết chị L thừa nhận giấy nợ này là chị T ký **giúp** cho chị Huỳnh Thị Bé H, không phải số tiền chị T vay, đồng thời số tiền này chị H đã trả hết cho chị L, chị L không có chứng cứ nào khác chứng minh cho việc chị T, anh L có thiếu tiền của chị vào năm 2013, nên việc chị L yêu cầu chị T, anh L trả số tiền vay là 12.100.000 đồng theo giấy nợ mà chị T ký là không có cơ sở.

Đối với **khoản** nợ 10.000.000 đồng, các bên đương sự thống nhất xác lập là vào ngày 23-11-2016 dương lịch, anh L thừa nhận có làm giấy nợ với chị L. Nên có căn cứ xác định anh L, chị T có vay chị L 10.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu khấu trừ nghĩa vụ thanh toán: Anh L, chị T xác định đã trả cho chị L được là 6.400.000 đồng tiền lãi, trong đó anh L đóng 1.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa anh L xác định không nhớ, chị T đóng 3.600.000 đồng nhưng không có gì chứng minh cho việc anh chị đã đóng số lãi trên cho chị L; Về **khoản** tiền anh L, chị T gửi chị Bé H đóng cho chị L là 1.800.000 đồng, chị L thừa nhận đã nhận của chị Bé H là 1.800.000 đồng, nhưng đây không phải là tiền lãi đóng cho khoản nợ của anh L. Do vậy các khoản anh L, chị T nại ra không có cơ sở chấp nhận việc khấu trừ.

Tuy nhiên, Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị L thừa nhận có nhận của anh L chị T 600.000 đồng, chị cho rằng là trả tiền lãi của nợ trước đây nhưng chị không chứng minh được, do vậy cần phải khấu trừ vào nghĩa vụ thanh toán.

[4] Về phần lãi suất: Giữa chị L, vợ chồng anh L, chị T trình bày không thống nhất mức lãi suất, nhưng trong quá trình giải quyết các bên thống nhất thỏa thuận lấy mức lãi suất là 9%/năm (tức là 0,75%/tháng, 0,025%/ngày). Đối với khoản nợ gốc 10.000.000 đồng tính lãi từ ngày 23-11-2016 dương lịch cho đến ngày xét xử vụ án. Do vậy tiền lãi sẽ được tính như sau:

Ngày 23-11-2016 dương lịch nợ 10.000.000 đồng gốc, tính lãi từ 23-11-2016 đến 19-4-2018 là 1 năm 4 tháng 27 ngày, cụ thể $(10.000.000 \text{ đồng} \times 9\% = 900.000 \text{ đồng}) + (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 4 \text{ tháng} = 300.000 \text{ đồng}) + (10.000.000 \text{ đồng} \times 0,025\% \times 27 \text{ ngày} = 67.500 \text{ đồng})$. Tổng cộng 1.267.500 đồng tiền lãi.

Từ các cơ sở trên, nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Tố L, buộc anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T trả số tiền: 10.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 23-11-2016 dương lịch và lãi suất là 1.267.500 đồng, khấu trừ 600.000 đồng chị L đã nhận, chị T và anh L còn phải trả tiếp là 10.667.500 đồng là có căn cứ.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 23-11-2016 dương lịch tính từ ngày 11-3-2016 dương lịch đến ngày 22-11-2016 dương lịch với mức lãi suất 9%/năm, cụ thể là 8 tháng 11 ngày, thành tiền là 627.500 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh L và chị T trả số tiền gốc là 12.100.000 đồng và **lãi suất tính theo mức 9 % từ ngày 11-3-2016 dương lịch cho đến ngày 19-4-2018 dương lịch, cụ thể là 2 năm 1 tháng 8 ngày, thành tiền là 2.292.950 đồng.**

[5] Về án phí: Chị Vương Thị Tố L, chị Huỳnh Thị Bé T và anh Trần Thanh L phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 473, 474, 476 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Tố L đối với anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T.

Buộc anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Vương Thị Tố L số tiền 10.667.500 (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

Kể từ ngày chị Vương Thị Tố L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền cho

chị Vương Thị Tổ L thì hàng tháng anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T còn phải trả cho chị Vương Thị Tổ L số tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của tính lãi với mức 9 %/năm tính từ ngày 11-3-2016 dương lịch đến ngày 22-11-2016 dương lịch của chị L trên số tiền gốc 10.000.000 đồng vay ngày 23-11-2016 dương lịch, cụ thể là 627.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh L và chị T trả số tiền gốc là 12.100.000 (Mười hai triệu một trăm nghìn) đồng và **lãi suất tính từ ngày 11-3-2016 dương lịch cho đến ngày 19-4-2018 là 2.292.950 (Hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm năm mươi) đồng.**

2. Về án phí: Anh Trần Thanh L và chị Huỳnh Thị Bé T chịu 533.000 (Năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vương Thị Tổ L chịu 751.000 (Bảy trăm năm mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 552.000 đồng theo biên lai số 0021060 ngày 24-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chị L còn phải nộp thêm là 199.000 (Một trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Mai